

Công ty cổ phần tấm lợp
VLXD Đồng Nai

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Ngày 26 Tháng 03 Năm 2015

Số: 02/CTTL-KTTC

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN Số:.....	
Ngày:.....	
Chuyển:.....	
Lưu hồ sơ số:.....	

GIẤY ỦY QUYỀN

Tôi tên là : *Nguyễn Công Lý*

Chức vụ : Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc Công ty.

CMND số : 023459708 do Công An Tp HCM cấp ngày 21/07/2011

Nay tôi ủy quyền cho :

Ông : *Dương Xuân Bình*

Chức vụ : Ủy viên Hội Đồng Quản Trị Công ty cổ phần tấm lợp vật liệu xây dựng Đồng Nai

Được thay tôi ký báo cáo quản trị công ty, báo cáo thường niên, báo cáo kiểm toán .

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến hết ngày 31/12/2015.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

NGƯỜI ỦY QUYỀN

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày: .. tháng .. năm 20..

Dương Xuân Bình



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Công Lý

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Quốc Khánh

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP. HỒ CHÍ MINH

Số: 30.55.6
ĐẾN Ngày: 5.13.15
Chuyển:.....
Lưu hồ sơ số:.....

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG
ĐỒNG NAI

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	14 - 38
8. Phụ lục	39

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần tắm lợp vật liệu xây dựng Đồng Nai được thành lập theo Quyết định số 73/2000/QĐ-TTg ngày 21 tháng 6 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty tắm lợp vật liệu xây dựng Đồng Nai (thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam) sang công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600475018 (số cũ là 4703000010), đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 9 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 07 tháng 5 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 272.236.470.000 VND

Trong đó:

	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty công nghiệp xi măng Việt Nam	34.023.660.000	12,50
Các cổ đông khác	238.212.810.000	87,50
Cộng	272.236.470.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
Điện thoại : (061) 3836130
Fax : (061) 3836023
Mã số thuế : 3600475018

Đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần tắm lợp vật liệu xây dựng Đồng Nai tại TP. Hồ Chí Minh	Số 2/14 - 2/16 Hàm Nghi, phường Bến Nghé, TP. Hồ Chí Minh
Công ty cổ phần tắm lợp vật liệu xây dựng Đồng Nai - Chi nhánh Nhơn Trạch, Đồng Nai	Khu công nghiệp Ông Kèo, ấp 03, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Khai thác xử lý và cung cấp nước;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa;
- Bán buôn xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại TP. Hồ Chí Minh đã có Bản án số 117/2014/DSPT từ ngày 19 đến 20 tháng 5 năm 2014 buộc All Ocean Transportation Inc phải bồi thường thiệt hại về cầu cầu cho Công ty cổ phần tắm lợp vật liệu xây dựng Đồng Nai với số tiền USD 1,837,843.00 tương đương 39.146.055.900 VND và chuyển hồ sơ yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giải quyết lại vấn đề về thiệt hại sản xuất kinh doanh và cầu cảng. Hiện tại, Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai đang thực hiện giám định thiệt hại về cầu cảng và thiệt hại về kinh doanh. Công ty đang tiếp tục làm việc với Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai để giải quyết vấn đề này.

Năm nay, hoạt động gia công xi măng của Công ty tiếp tục thua lỗ do chi phí khấu hao của Nhà máy Nhơn Trạch và chi phí lãi vay là khá lớn. Bên cạnh đó, Công ty phải đầu tư sửa chữa dây chuyền sản xuất tắm lợp lâu năm đã bị xuống cấp. Đây là những nguyên nhân chính làm cho kết quả kinh doanh của Công ty tiếp tục bị thua lỗ.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 38).

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Công Lý	Chủ tịch	29 tháng 4 năm 2010	-
Bà Nguyễn Thị Thành	Ủy viên	29 tháng 4 năm 2010	-
Ông Dương Xuân Bình	Ủy viên	29 tháng 4 năm 2010	-
Ông Jiang Wen	Ủy viên	29 tháng 4 năm 2010	-
Ông Lê Trung Chính	Ủy viên	29 tháng 4 năm 2010	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Nho	Trưởng ban	29 tháng 4 năm 2010	-
Ông Phạm Đức Hùng	Thành viên	29 tháng 4 năm 2010	-
Ông Nguyễn Đoàn Dũng	Thành viên	29 tháng 4 năm 2010	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Công Lý	Tổng Giám đốc	01 tháng 7 năm 2005	-
Ông Nguyễn Bá Truật	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 10 năm 2002	-
Ông Dương Xuân Bình	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 11 năm 2005	-
Ông Lê Trung Chính	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 11 năm 2005	-
Ông Trần Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc	16 tháng 5 năm 2008	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Phó Tổng Giám đốc	17 tháng 3 năm 2010	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần tắm lọc vật liệu xây dựng Đồng Nai tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



Thay mặt Hội đồng quản trị,

Đương Xuân Bình
Ủy viên Hội đồng quản trị

Ngày 31 tháng 3 năm 2015





Số: 0437/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần tắm lọc vật liệu xây dựng Đồng Nai (sau đây gọi tắt là Công ty), được lập ngày 13 tháng 3 năm 2015, từ trang 07 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Tháng 4 năm 2011, Nhà máy nghiền xi măng ở Nhơn Trạch đã hoàn thành cơ bản, Công ty tiến hành chạy thử để chuẩn bị đưa vào hoạt động sản xuất chính thức và thời gian chạy thử được dự kiến đến tháng 9 năm 2011. Tuy nhiên do hoạt động của máy móc và thiết bị của Nhà máy chưa ổn định nên Công ty đã kéo dài hoạt động chạy thử đến cuối năm 2011. Các chi phí liên quan đến giai đoạn chạy thử (bao gồm cả chi phí lãi vay) từ tháng 4 đến tháng 12 năm 2011 khoảng 76.511.299.453 VND đã được vốn hóa vào giá trị tài sản. Đến nay, chúng tôi cũng chưa được cung cấp đầy đủ bằng chứng để xác định tính hợp lý của hoạt động chạy thử này.



- Năm 2012, Công ty thực hiện xóa sổ công nợ phải trả đối với nhà thầu China Machine - Building International Corp bằng cách cản trừ với công nợ phải thu của Công ty cổ phần vận tải An Tôn là 8.564.107.603 VND và ghi nhận vào thu nhập là 33.993.181.797 VND. Cho đến thời điểm hiện tại, chúng tôi vẫn chưa được cung cấp bằng chứng để đảm bảo cho tính hợp lý của việc ghi nhận vào thu nhập khoản công nợ phải trả này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần tấm lợp vật liệu xây dựng Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VIII.8 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về khoản lỗ thuần 112.027.718.979 VND của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 273.333.152.325 VND. Tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty một khoản là 123.408.205.145 VND. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, theo kế hoạch tài chính năm 2015, Công ty sẽ có lãi bằng việc tiếp tục tập trung vào sản xuất và tiêu thụ một triệu tấn xi măng do Công ty cổ phần xi măng Công Thanh bao tiêu. Đồng thời trong năm nay, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam đã có văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng, cơ cấu lại nợ vay và lịch trả nợ. Theo đó các khoản vay ngắn hạn được chuyển sang dài hạn nhằm giảm áp lực trả nợ vay của Công ty trong thời gian ngắn hạn. Ngoài ra trong năm, Công ty đã nhận được tiền bồi thường cần cấu hu theo Bản án của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại TP. Hồ Chí Minh và tiếp tục yêu cầu bồi thường về cầu cảng và thiệt hại kinh doanh. Hiện tại, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đang thực hiện các công tác giám định thiệt hại về cầu cảng và thiệt hại về kinh doanh để tiếp tục thụ lý. Điều này sẽ giúp Công ty khôi phục lại sự hoạt động của cầu cảng và đạt được sự thuận lợi hơn trong việc sản xuất kinh doanh cũng như nguồn tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0099-2013-008-1

Hoàng Thu Huyền - Kiểm toán viên
Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 1257-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		132.342.549.242	126.197.943.820
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.460.160.314	918.704.302
1. Tiền	111		1.460.160.314	918.704.302
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		86.540.844.062	44.836.006.061
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	45.090.025.258	22.890.379.120
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	12.685.137.093	5.513.810.922
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	28.765.681.711	16.431.816.019
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		39.973.737.960	78.197.308.651
1. Hàng tồn kho	141	V.5	39.973.737.960	78.197.308.651
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.367.806.906	2.245.924.806
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	1.174.242.425	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		218.617.800	537.998.310
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	2.974.946.681	1.707.926.496

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		871.419.281.777	922.906.796.261
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		782.430.303.395	836.457.837.872
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	773.501.880.941	826.890.925.222
<i>Nguyên giá</i>	222		1.051.626.545.988	1.045.033.377.023
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(278.124.665.047)	(218.142.451.801)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	8.422.692.364	8.748.851.776
<i>Nguyên giá</i>	228		9.626.146.689	9.626.146.689
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.203.454.325)	(877.294.913)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	505.730.090	818.060.874
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		81.828.367.547	78.265.289.158
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	90.000.000.000	90.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.12	(8.171.632.453)	(11.734.710.842)
V. Tài sản dài hạn khác	260		7.160.610.835	8.183.669.231
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	7.160.610.835	8.183.669.231
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.003.761.831.019	1.049.104.740.081

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		905.427.058.943	838.742.249.026
I. Nợ ngắn hạn	310		255.750.754.387	434.172.422.219
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	83.288.982.018	268.413.452.957
2. Phải trả người bán	312	V.16	17.687.272.019	46.734.653.850
3. Người mua trả tiền trước	313		4.439.153.598	5.931.169.173
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	4.467.400.907	4.471.169.154
5. Phải trả người lao động	315	V.18	3.318.399.821	3.532.081.835
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	141.206.621.563	101.988.049.789
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	1.342.924.461	3.101.845.461
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		649.676.304.556	404.569.826.807
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.21	60.106.477.749	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.22	589.569.826.807	404.569.826.807
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		98.334.772.076	210.362.491.055
I. Vốn chủ sở hữu	410		98.334.772.076	210.362.491.055
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.23	272.236.470.000	272.236.470.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23	76.737.250.400	76.737.250.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.23	11.243.301.309	11.243.301.309
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.23	11.450.902.692	11.450.902.692
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.23	(273.333.152.325)	(161.305.433.346)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.003.761.831.019	1.049.104.740.081

HHH
M

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	V.24	22.609.789.750	15.864.632.915
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		39.460.608	39.460.608
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		44,02	44,02
Euro (EUR)		373,50	373,14
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Đồng Nai, ngày 13 tháng 3 năm 2015


Đỗ Thị Thanh Huyền
Người lập biểu


Nguyễn Thị Ánh
Kế toán trưởng




Trần Quốc Khánh
Phó Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN TẦM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	290.106.290.834	279.688.464.738
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	290.106.290.834	279.688.464.738
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	298.645.219.403	277.310.449.595
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(8.538.928.569)	2.378.015.143
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	113.265.547	106.528.461
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	76.005.605.857	101.879.291.083
Trong đó: chi phí lãi vay	23		79.114.390.204	89.392.579.617
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	8.039.442.430	8.056.304.388
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	19.031.059.628	19.433.344.211
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(111.501.770.937)	(126.884.396.078)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	386.144.100	225.712.089
12. Chi phí khác	32	VI.8	912.092.142	8.118.600.430
13. Lợi nhuận khác	40		(525.948.042)	(7.892.888.341)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(112.027.718.979)	(134.777.284.419)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(112.027.718.979)</u>	<u>(134.777.284.419)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>(4.115)</u>	<u>(4.951)</u>

Đồng Nai, ngày 13 tháng 3 năm 2015


Đỗ Thị Thanh Huyền
Người lập biểu

Nguyễn Thị Ánh
Kế toán trưởng

Trần Quốc Khánh
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(112.027.718.979)	(134.777.284.419)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8, V.9	60.737.926.041	60.028.903.610
- Các khoản dự phòng	03	V.12	(3.563.078.389)	11.734.710.842
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(6.582.080)	(52.712.221)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.7; VI.8	(98.319.837)	(81.818.180)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	79.114.390.204	89.392.579.617
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		24.156.616.960	26.244.379.249
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(40.914.429.896)	22.129.768.163
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		38.223.570.691	(13.473.253.684)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		5.766.668.244	7.987.924.544
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(151.184.029)	2.440.956.720
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.19, V.21, VI.4	(19.699.789.838)	(47.301.222.055)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(1.609.993.688)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.20	(1.758.921.000)	(1.463.446.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.622.531.132	(5.044.886.751)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.3, V.8, V.10, VII	(5.200.907.871)	(2.209.549.262)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	245.454.549	81.818.180
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.955.453.322)	(2.127.731.082)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.15	126.631.189.643	133.836.868.404
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.15	(126.755.660.582)	(131.118.525.254)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(8.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(124.470.939)	2.710.343.150
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		542.606.871	(4.462.274.683)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	918.704.302	5.380.978.985
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.150.859)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	1.460.160.314	918.704.302

Đồng Nai, ngày 13 tháng 3 năm 2015


Đỗ Thị Thanh Huyền
Người lập biểu


Nguyễn Thị Ánh
Kế toán trưởng




Trần Quốc Khánh
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng và xây lắp.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm xi măng, tấm lợp và xây lắp; Dịch vụ thương mại; Mua bán nước sạch phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất công nghiệp.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 414 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 359 nhân viên).

5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại TP. Hồ Chí Minh đã có Bản án số 117/2014/DSPT từ ngày 19 đến 20 tháng 5 năm 2014 buộc All Ocean Transportation Inc phải bồi thường thiệt hại về cần cầu cho Công ty cổ phần tấm lợp vật liệu xây dựng Đồng Nai với số tiền USD 1,837,843.00 tương đương 39.146.055.900 VND và chuyển hồ sơ yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giải quyết lại vấn đề về thiệt hại sản xuất kinh doanh và cầu cảng. Hiện tại, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đang thực hiện giám định thiệt hại về cầu cảng và thiệt hại về kinh doanh. Công ty đang tiếp tục làm việc với Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai để giải quyết vấn đề này.

Năm nay, hoạt động gia công xi măng của Công ty tiếp tục thua lỗ do chi phí khấu hao của Nhà máy Nhơn Trạch và chi phí lãi vay là khá lớn. Bên cạnh đó, Công ty phải đầu tư sửa chữa dây chuyền sản xuất tấm lợp lâu năm đã bị xuống cấp. Đây là những nguyên nhân chính làm cho kết quả kinh doanh của Công ty tiếp tục bị thua lỗ.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các Thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các Thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Tỷ lệ</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	02% - 20%
Máy móc và thiết bị	6,6% - 33,3%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05% - 16,6%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	10% - 20%

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao với tỷ lệ từ 02%/năm đến 2,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhãn (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí xây dựng tuyến đường đê Khu công nghiệp Ông Kèo được phân bổ với thời gian 10 năm.

12. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	(*)	
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh.	05%	10% vốn điều lệ
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	(*)	
• Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		(*)	

(*) Quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2014 : 21.375 VND/USD
31/12/2013 : 21.085 VND/USD

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phải sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. **Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. **Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.3.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. **Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	108.681.574	718.703
Tiền gửi ngân hàng	1.351.478.740	917.985.599
Cộng	<u>1.460.160.314</u>	<u>918.704.302</u>

2. **Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần xi măng Công Thanh	44.539.297.910	22.267.596.818
Các khách hàng khác	550.727.348	622.782.302
Cộng	<u>45.090.025.258</u>	<u>22.890.379.120</u>

3. **Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp xây dựng cơ bản	2.412.459.998	674.412.218
Các nhà cung cấp khác	10.272.677.095	4.839.398.704
Cộng	<u>12.685.137.093</u>	<u>5.513.810.922</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản thu khác có liên quan đến sự cố hư cần cầu của cảng nhà máy xi măng tại Nhơn Trạch – Đồng Nai đang chờ bồi thường (xem thuyết minh VIII.1)	26.567.946.689	15.628.070.850
Phải thu tạm ứng án phí liên quan đến sự cố cần cầu	1.713.435.422	313.435.422
Phải thu khác	484.299.600	490.309.747
Cộng	<u>28.765.681.711</u>	<u>16.431.816.019</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đi đường	5.940.000.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	28.631.763.368	31.408.140.635
Công cụ, dụng cụ	446.929.493	364.073.558
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	25.593.715	25.593.715
Thành phẩm	4.929.451.384	46.399.500.743
Cộng	<u>39.973.737.960</u>	<u>78.197.308.651</u>

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa nhà máy xi măng Công Thanh Nhơn Trạch	681.818.182	-
Chi phí cải tạo nâng cấp hệ thống nước	492.424.243	-
Cộng	<u>1.174.242.425</u>	<u>-</u>

7. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	2.943.646.681	1.676.626.496
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	31.300.000	31.300.000
Cộng	<u>2.974.946.681</u>	<u>1.707.926.496</u>

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	482.525.848.212	516.958.478.850	41.855.168.775	3.693.881.186	1.045.033.377.023
Mua sắm trong năm	60.000.000	525.630.000	4.309.999.999	173.054.546	5.068.684.545
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	535.848.000	-	1.402.006.333	163.318.182	2.101.172.515
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(576.688.095)	-	(576.688.095)
Số cuối năm	<u>483.121.696.212</u>	<u>517.484.108.850</u>	<u>46.990.487.012</u>	<u>4.030.253.914</u>	<u>1.051.626.545.988</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	17.097.455.871	60.424.030.025	10.733.337.644	350.750.875	88.605.574.415

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	67.908.120.729	125.368.981.140	23.418.663.681	1.446.686.251	218.142.451.801
Khấu hao trong năm (*)	23.076.738.242	32.169.967.762	4.511.219.952	653.840.673	60.411.766.629
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(429.553.383)	-	(429.553.383)
Số cuối năm	90.984.858.971	157.538.948.902	27.500.330.250	2.100.526.924	278.124.665.047
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	414.617.727.483	391.589.497.710	18.436.505.094	2.247.194.935	826.890.925.222
Số cuối năm	392.136.837.241	359.945.159.948	19.490.156.762	1.929.726.990	773.501.880.941
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 873.903.375.920 VND và 675.511.706.305 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	9.118.644.029	507.502.660	9.626.146.689
Số cuối năm	9.118.644.029	507.502.660	9.626.146.689
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	43.997.560	43.997.560
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	674.241.294	203.053.619	877.294.913
Khấu hao trong năm	233.466.108	92.693.304	326.159.412
Số cuối năm	907.707.402	295.746.923	1.203.454.325
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	8.444.402.735	304.449.041	8.748.851.776
Số cuối năm	8.210.936.627	211.755.737	8.422.692.364
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	305.679.060	1.765.375.545	(1.565.324.515)	-	505.730.090
Xây dựng cơ bản dở dang	512.381.814	128.800.000	(535.848.000)	(105.333.814)	-
Cộng	818.060.874	1.894.175.545	(2.101.172.515)	(105.333.814)	505.730.090

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Đầu tư dài hạn khác

Khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty cổ phần xi măng Công Thanh với số lượng cổ phiếu sở hữu là 9.000.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 10% vốn điều lệ.

12. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn

Dự phòng khoản đầu tư vào Công ty cổ phần xi măng Công Thanh.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	11.734.710.842	-
Trích lập dự phòng bổ sung	-	11.734.710.842
Hoàn nhập dự phòng	(3.563.078.389)	-
Số cuối năm	<u>8.171.632.453</u>	<u>(11.734.710.842)</u>

13. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	8.183.669.231	-
Phát sinh tăng	-	10.229.586.410
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(1.023.058.396)	(2.045.917.179)
Số cuối năm	<u>7.160.610.835</u>	<u>8.183.669.231</u>

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Công ty có các khoản lỗ tính thuế qua các năm chưa sử dụng với số tiền như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lỗ năm 2012	44.484.684.257	44.484.684.257
Lỗ năm 2013	124.072.947.915	124.072.947.915
Lỗ năm 2014	110.158.785.211	-
Cộng	<u>278.716.417.383</u>	<u>168.557.632.172</u>

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho khoản lỗ này vì khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai là không chắc chắn.

15. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng ^(*)	83.288.982.018	225.413.452.957
Vay dài hạn đến hạn trả	-	43.000.000.000
Cộng	<u>83.288.982.018</u>	<u>268.413.452.957</u>

^(*) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thanh toán các khoản chi phí sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi được điều chỉnh 01 tháng một lần (lãi suất trong năm khoảng 9% - 9,5%), thời hạn vay của từng khoản nợ được ghi nhận trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.8). Trong năm, Ngân hàng đã có văn bản sửa đổi hợp đồng tín dụng cơ cấu lại thời hạn trả nợ vay cho Công ty cụ thể chuyển dư nợ vay 142.000.000.000 VND từ vay ngắn hạn sang dài hạn (xem thuyết minh số V.21) và gia hạn thời gian thu nợ đầu tiên vào quý I năm 2016, khoản lãi vay phát sinh trong năm 2014-2015 cũng sẽ được phân bổ trả trong các năm từ năm 2016-2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh trong năm của các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	225.413.452.957	126.631.189.643	(142.000.000.000)	(126.755.660.582)	83.288.982.018
Vay dài hạn đến hạn trả	43.000.000.000	-	(43.000.000.000)	-	-
Cộng	268.413.452.957	126.631.189.643	(185.000.000.000)	(126.755.660.582)	83.288.982.018

16. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các nhà cung cấp ngoài nước	5.509.719.394	31.238.336.474
Các nhà cung cấp trong nước	12.177.552.625	15.496.317.376
Cộng	17.687.272.019	46.734.653.850

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	9.029.729.083	(9.029.729.083)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	3.173.309.555	(3.173.309.555)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.511.099.790	(1.511.099.790)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	30.282.307	247.008.062	(251.119.870)	26.170.499
Thuế tài nguyên	3.867.957	77.286.826	(76.943.265)	4.211.518
Thuế nhà thầu	4.437.018.890	-	-	4.437.018.890
Thuế khác	-	84.563.680	(84.563.680)	-
Cộng	4.471.169.154	14.122.996.996	(14.126.765.243)	4.467.400.907

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Tắm lợp, xi măng, gạch, vận chuyển, phế liệu	10%
- Nước	05%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế (năm trước là 25%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(112.027.718.979)	(134.777.284.419)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.868.933.768	10.704.336.504
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	(110.158.785.211)	(124.072.947.915)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
Thuế tài nguyên	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà I, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác sử dụng nước với mức thuế suất như sau:

- Sử dụng nước mặt phục vụ sản xuất	01%
- Sử dụng nước dưới đất phục vụ sản xuất	03%
- Sử dụng nước dưới đất dùng cho hoạt động dịch vụ, sản xuất công nghiệp, xây dựng	06%

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

18. Phải trả người lao động

Quy lương của Công ty được xác định như sau:

- Quỹ tiền lương tại nhà máy Biên Hòa I được trích dựa vào số lượng thành phẩm tiêu thụ (riêng thành phẩm xi măng bao gồm cả tiêu thụ nội bộ) và đã được Hội đồng quản trị thông qua, cụ thể như sau:
 - Xi măng: 24.000 VND/tấn
 - Tắm lợp: 2.800 VND/m²
 - Gạch: 350 VND/viên
- Lương của nhân viên tại Nhà máy Nhơn Trạch được tính theo lương khoán.

Số dư cuối năm là khoản tiền lương tháng 12 và 13 còn phải trả cho người lao động.

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	360.462.037	1.278.338.182
Kinh phí công đoàn	150.243.322	269.431.889
Bảo hiểm thất nghiệp	68.346.526	134.300.693
Cổ tức phải trả	27.263.285.675	27.263.285.675
Lãi vay phải trả	71.778.741.468	72.470.618.851
Tiền bồi thường cần cầu (*)	37.547.655.900	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.037.886.635	572.074.499
Cộng	141.206.621.563	101.988.049.789

(*) Tiền nhận bồi thường thiệt hại hư cần cầu từ Công ty All Ocean Transportation Inc theo kết quả của Tòa phúc thẩm tại TP. Hồ Chí Minh với số tiền là 39.146.055.960 VND. Khoản tiền này được dùng để thanh toán các chi phí sửa chữa phục hồi lại cần cầu. Phần chênh lệch còn lại sẽ ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi công tác sửa chữa hoàn tất. Trong năm Công ty đã thực hiện chuyển trả chi phí lần 01 về sửa chữa cần cầu với số tiền là 1.598.400.000 VND.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	1.334.803.769	(1.334.803.769)	-
Quỹ phúc lợi	1.767.041.692	(424.117.231)	1.342.924.461
Cộng	3.101.845.461	(1.758.921.000)	1.342.924.461

21. Phải trả dài hạn khác

Khoản lãi vay dài hạn phát sinh trong năm 2014 được phân bổ trả trong các năm từ năm 2016 đến năm 2022 (xem thuyết minh V.22).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị, chi phí mặt bằng, đất đai và các chi phí khác liên quan đến việc đầu tư xây dựng Nhà máy nghiền xi măng Công Thanh ở Nhơn Trạch công suất 1.800.000 tấn/năm với lãi suất vay theo phương pháp thả nổi được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ tại thời điểm giải ngân (lãi suất trong năm khoảng 12,3% - 11,8%). Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.8). Trong năm, Ngân hàng đã có văn bản sửa đổi hợp đồng tín dụng cơ cấu lại thời hạn trả nợ vay cho Công ty cụ thể chuyển dư nợ vay 142.000.000.000 VND từ vay ngắn hạn sang dài hạn (xem thuyết minh số V.14), và gia hạn thời gian thu nợ đầu tiên vào quý I năm 2016, khoản lãi vay phát sinh trong các năm 2014 và 2015 cũng sẽ được phân bổ trả trong các năm từ năm 2016 đến năm 2022.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	-	43.000.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	589.569.826.807	404.569.826.807
Tổng nợ	589.569.826.807	447.569.826.807

Chi tiết số phát sinh về khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	404.569.826.807	447.569.826.807
Kết chuyển từ nợ vay ngắn hạn sang dài hạn	142.000.000.000	-
Kết chuyển nợ dài hạn đến hạn trả sang dài hạn	43.000.000.000	(43.000.000.000)
Số cuối năm	589.569.826.807	404.569.826.807

23. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 39.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.223.647	27.223.647
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.223.647	27.223.647
- Cổ phiếu phổ thông	27.223.647	27.223.647
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.223.647	27.223.647
- Cổ phiếu phổ thông	27.223.647	27.223.647
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24. Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá trị Clinker nhận gia công xi măng cho Công ty cổ phần xi măng Công Thanh	15.452.607.250	10.080.685.415
Vỏ bao nhận gia công cho Công ty cổ phần xi măng Công Thanh	7.157.182.500	5.783.947.500
Cộng	22.609.789.750	15.864.632.915

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	290.106.290.834	279.688.464.738
<i>Doanh thu bán tấm lợp</i>	<i>167.445.471.640</i>	<i>172.300.809.220</i>
<i>Doanh thu gia công xi măng</i>	<i>101.921.623.224</i>	<i>93.875.441.315</i>
<i>Doanh thu bán thành phẩm khác</i>	<i>19.375.150.218</i>	<i>10.662.158.819</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>1.364.045.752</i>	<i>2.850.055.384</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	<u>290.106.290.834</u>	<u>279.688.464.738</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của tấm lợp đã tiêu thụ	141.831.313.979	134.295.444.093
Giá vốn gia công xi măng	138.359.567.883	135.765.278.444
Giá vốn bán thành phẩm khác	18.204.918.203	6.021.197.310
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	249.419.338	1.228.529.748
Cộng	<u>298.645.219.403</u>	<u>277.310.449.595</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	82.820.385	44.002.084
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	23.863.082	400.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.582.080	52.712.221
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	9.414.156
Cộng	<u>113.265.547</u>	<u>106.528.461</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	79.114.390.204	89.392.579.617
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư tài chính	(3.563.078.389)	11.734.710.842
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	454.294.042	752.000.624
Cộng	<u>76.005.605.857</u>	<u>101.879.291.083</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	1.937.921.372	2.227.571.796
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	1.301.663.309	1.726.069.854
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.848.953.781	1.866.582.768
Chi phí dịch vụ mua ngoài	891.223.954	1.287.123.431
Chi phí khác	2.059.680.014	948.956.539
Cộng	<u>8.039.442.430</u>	<u>8.056.304.388</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	4.153.766.852	4.544.799.423
Chi phí vật liệu quản lý	1.930.109.280	1.469.676.661
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.704.759.447	1.744.370.581
Thuế, phí và lệ phí	128.713.594	170.797.027
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.954.405.463	7.017.062.789
Chi phí khác	6.159.304.992	4.486.637.730
Cộng	<u>19.031.059.628</u>	<u>19.433.344.211</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	245.454.549	81.818.180
Các khoản nợ xác định không phải trả	20.655.623	127.907.325
Thu nhập khác	120.033.928	15.986.584
Cộng	<u>386.144.100</u>	<u>225.712.089</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	147.134.712	-
Phạt vi phạm hành chính	71.850.000	-
Lãi phạt chậm nộp	49.193.918	3.915.960.345
Chi phí khác	643.913.512	226.798.431
Cộng	<u>912.092.142</u>	<u>8.118.600.430</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(112.027.718.979)	(134.777.284.419)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(112.027.718.979)	(134.777.284.419)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	27.223.647	27.223.647
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(4.115)</u>	<u>(4.951)</u>

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	110.717.724.015	156.041.607.105
Chi phí nhân công	33.101.422.398	35.883.769.386
Chi phí khấu hao tài sản cố định	60.737.926.041	60.028.903.610
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.904.499.091	56.205.577.024
Chi phí khác	9.329.763.016	6.417.925.733
Cộng	<u>265.791.334.561</u>	<u>314.577.782.858</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà I, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Trong năm, Công ty đã mua bằng cách nhận nợ tài sản cố định từ Công ty cổ phần sản xuất thương mại Đào Gia trị giá 3.499.999.999 VND.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản tiềm tàng

Ngày 22 tháng 5 năm 2012, Công ty đã kiện All Ocean Transportation Inc vì đã đâm vào cần cầu của Cảng Nhà máy xi măng Công Thanh và hy vọng sẽ được thanh toán một khoản tiền thiệt hại 181.284.000.000 VND. Ngày 07 tháng 6 năm 2012, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã có Quyết định số 41/2012/QĐ.BTHBPĐ buộc All Ocean Transportation Inc thực hiện bảo lãnh ngân hàng với số tiền là 7.500.000,00 USD để hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với tàu YM Intelligent. Ngày 26 tháng 10 năm 2012, Công ty tiếp tục có đơn kiện bổ sung yêu cầu All Ocean Transportation Inc phải bồi thường 518.870.844.10 VND thay vì 181.284.000.000 VND như yêu cầu ban đầu. Mặc dù Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã có Bản án số 09/2013/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2013 buộc All Ocean Transportation Inc phải bồi thường thiệt hại cho Công ty cổ phần tấm lợp vật liệu xây dựng Đồng Nai với số tiền là 130.584.800.632 VND, tuy nhiên cả hai Công ty vẫn chưa đồng ý mà tiếp tục gửi đơn xin phúc thẩm. Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại TP. Hồ Chí Minh đã có Bản án số 117/2014/DSPT từ ngày 19 đến 20 tháng 5 năm 2014 buộc All Ocean Transportation Inc phải bồi thường thiệt hại về cần cầu cho Công ty cổ phần tấm lợp vật liệu xây dựng Đồng Nai với số tiền USD 1,837,843.00 tương đương 39.146.055.900 VND và chuyển hồ sơ yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giải quyết lại vấn đề về thiệt hại sản xuất kinh doanh và cầu cảng. Hiện tại, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đang thực hiện giám định thiệt hại về cầu cảng và thiệt hại về kinh doanh. Công ty đang tiếp tục làm việc với Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai để giải quyết vấn đề này.

2. Các khoản cam kết

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các cam kết mua sắm, sửa chữa tài sản đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong Bảng cân đối kế toán với số tiền 17.037.360.000 VND.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	2.008.384.000	1.808.883.100
Thù lao và các khoản khác	119.200.000	507.427.000
Cộng	2.127.584.000	2.316.310.100

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Công ty cổ phần xi măng Công Thanh

Công ty cổ phần kinh doanh xuất nhập khẩu Công Thanh

Công ty cổ phần Bê tông Công Thanh

Mối quan hệ

Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị

Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị

Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty cổ phần xi măng Công Thanh		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	56.233.505.629	46.357.768.889
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	102.571.415.714	94.301.135.415
Cho mượn	2.480.000.000	1.000.000.000
Công ty cổ phần kinh doanh xuất nhập khẩu Công Thanh		
Dịch vụ bảo hành	-	35.130.081
Công ty cổ phần bê tông Công Thanh		
Mua bê tông	-	722.802.273

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần xi măng Công Thanh		
Phải thu tiền hàng	44.539.297.910	22.267.596.818
Cộng nợ phải thu	<u>44.539.297.910</u>	<u>22.267.596.818</u>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

4. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Sản phẩm tẩm lọc: sản xuất và kinh doanh sản phẩm tẩm lọc.
- Sản phẩm xi măng: bán, gia công xi măng.
- Các lĩnh vực khác: dịch vụ vận chuyển.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định, các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Sản phẩm tẩm lọc</u>	<u>Sản phẩm xi măng</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	167.445.471.640	101.921.623.224	20.739.195.970	-	290.106.290.834
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	1.346.766.200	5.750.000	-	(1.352.516.200)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>168.792.237.840</u>	<u>101.927.373.224</u>	<u>20.739.195.970</u>	<u>(1.352.516.200)</u>	<u>290.106.290.834</u>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	8.605.699.464	(43.458.403.153)	595.789.262	(1.352.516.200)	(35.609.430.627)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Sản phẩm tắm lợp	Sản phẩm xi măng	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(35.609.430.627)
Doanh thu hoạt động tài chính					113.265.547
Chi phí tài chính					(76.005.605.857)
Thu nhập khác					386.144.100
Chi phí khác					(912.092.142)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					(112.027.718.979)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	6.165.497.362	1.303.092.818	-	7.468.590.180
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	755.492.172	59.839.219.750	1.166.272.515	-	61.760.984.437
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	172.300.809.220	93.875.441.315	13.512.214.203	-	279.688.464.738
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	544.477.600	-	69.805.000	(614.282.600)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	172.845.286.820	93.875.441.315	13.582.019.203	(614.282.600)	279.688.464.738
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	22.379.853.562	(51.291.862.728)	3.800.375.710	-	(25.111.633.456)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(25.111.633.456)
Doanh thu hoạt động tài chính					106.528.461
Chi phí tài chính					(101.879.291.083)
Thu nhập khác					225.712.089
Chi phí khác					(8.118.600.430)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					(134.777.284.419)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	2.305.163.261	206.998.181	-	2.512.161.442
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.164.858.848	59.704.078.295	1.600.923.187	-	62.469.860.330

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Sản phẩm tầm lợi	Sản phẩm xi măng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	24.585.796.961	887.533.685.050	260.872.550	912.380.354.561
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				91.381.476.458
Tổng tài sản				1.003.761.831.019
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	160.605.036.533	704.936.881.188	356.131.234	865.898.048.955
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				39.529.009.988
Tổng nợ phải trả				905.427.058.943
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	56.913.346.497	904.761.618.259	5.227.411.890	966.902.376.646
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				82.202.363.435
Tổng tài sản				1.049.104.740.081
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	60.614.725.130	730.924.133.746	1.029.580.338	792.568.439.214
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				46.173.809.812
Tổng nợ phải trả				838.742.249.026

Khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Thuê hoạt động

Các hợp đồng đi thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	1.091.885.867	1.075.711.147
Trên 01 năm đến 05 năm	4.367.543.469	4.302.844.589
Trên 05 năm	34.180.514.847	34.781.327.098
Cộng	39.639.944.183	40.159.882.834

Công ty thuê lại đất và sử dụng hạ tầng tại khu công nghiệp Biên Hòa I đối với diện tích đất sử dụng dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 đến ngày 12 tháng 4 năm 2051.

6. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu khách hàng ứng trước tiền hàng và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Công ty có rủi ro tín dụng tập trung chủ yếu liên quan đến Công ty cổ phần xi măng Công Thanh với số dư nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 chiếm 99% tổng số dư nợ phải thu (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 chiếm 97%). Các khách hàng khác có số dư dưới 01% tổng số dư nợ phải thu nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu của các khách hàng này là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.7 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.460.160.314	-	-	-	1.460.160.314
Phải thu khách hàng	21.244.907.892	-	23.845.117.366	-	45.090.025.258
Các khoản phải thu khác	31.300.000	-	-	-	31.300.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-	90.000.000.000	90.000.000.000
Cộng	22.736.368.206	-	23.845.117.366	90.000.000.000	136.581.485.572
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	918.704.302	-	-	-	918.704.302
Phải thu khách hàng	22.673.226.346	-	217.152.774	-	22.890.379.120
Các khoản phải thu khác	31.300.000	-	-	-	31.300.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-	90.000.000.000	90.000.000.000
Cộng	23.623.230.648	-	217.152.774	90.000.000.000	113.840.383.422

Chi tiết thời gian quá hạn của khoản phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quá hạn dưới 06 tháng	23.825.671.571	5.478.800
Quá hạn trên 06 tháng đến dưới 01 năm	14.364.000	114.143.645
Quá hạn trên 01 năm đến dưới 02 năm	5.081.795	97.530.329
Quá hạn trên 02 năm đến 03 năm	-	-
Quá hạn trên 03 năm	-	-
Cộng	23.845.117.366	217.152.774

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	86.509.248.321	593.815.208.156	279.148.719.949	959.473.176.425
Phải trả người bán	17.687.272.019	-	-	17.687.272.019
Các khoản phải trả khác	102.848.079.886	60.106.477.749	-	162.954.557.635
Cộng	207.044.600.226	653.921.685.905	279.148.719.949	1.140.115.006.079
Số đầu năm				
Vay và nợ	333.916.802.799	497.803.344.363	-	831.720.147.162
Phải trả người bán	46.734.653.850	-	-	46.734.653.850
Các khoản phải trả khác	99.733.904.526	-	-	99.733.904.526
Cộng	480.385.361.175	497.803.344.363	-	978.188.705.538

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là cao. Tuy nhiên Công ty đã làm việc với Ngân hàng để cơ cấu lại nợ vay, lịch trả nợ và đã được chấp thuận gia hạn thời gian thu nợ đầu tiên vào quý I năm 2016. Ngoài ra, Công ty cũng có khả năng thanh toán một phần các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh bằng việc tập trung vào sản xuất và tiêu thụ một triệu tấn xi măng do Công ty cổ phần xi măng Công Thanh bao tiêu theo kế hoạch tài chính năm 2015 để ra.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro về giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán và giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	44,02	373,50	44,02	373,14
Phải trả người bán	(257.764,65)		(1.481.543,11)	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(257.720,63)	373,50	(1.481.499,09)	373,14

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do tài sản/(nợ phải trả thuần) có gốc ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay ngắn hạn và dài hạn có lãi suất theo thị trường.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất.

Các công cụ tài chính có lãi suất thị trường của Công ty chỉ có các khoản vay ngắn hạn và dài hạn. Số dư các khoản vay có lãi suất thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 672.858.808.825 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 672.983.279.764 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận trước thuế năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 13.457.176.177 VND (năm trước giảm/tăng 13.459.665.595 VND).

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu chưa niêm yết do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do giá các cổ phiếu này không biến động nhiều.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Sự biến động của giá cả ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh để phòng ngừa rủi ro về giá nguyên vật liệu.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

7. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.460.160.314	-	918.704.302	-	1.460.160.314	918.704.302
Phải thu khách hàng	45.090.025.258	-	22.890.379.120	-	45.090.025.258	22.890.379.120
Các khoản phải thu khác	31.300.000	-	31.300.000	-	31.300.000	31.300.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	90.000.000.000	(8.171.632.453)	90.000.000.000	(11.734.710.842)	81.828.367.547	78.265.289.158
Cộng	136.581.485.572	(8.171.632.453)	113.840.383.422	(11.734.710.842)	128.409.853.119	102.105.672.580

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Vay và nợ	672.858.808.825	672.983.279.764	672.858.808.825
Phải trả người bán	17.687.272.019	46.734.653.850	17.687.272.019	46.734.653.850
Các khoản phải trả khác	162.954.557.635	99.733.904.526	162.954.557.635	99.733.904.526
Cộng	853.500.638.479	819.451.838.140	853.500.638.479	819.451.838.140

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản vay dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự. Giá trị hợp lý của các khoản mục này tương đương giá trị sổ sách do ảnh hưởng của việc chiết khấu là không đáng kể.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị sổ sách.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty tiếp tục bị lỗ 112.027.718.979 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 273.333.152.325 VND. Tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty một khoản là 123.408.205.145 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, theo kế hoạch tài chính năm 2015, Công ty sẽ có lãi bằng việc tiếp tục tập trung vào sản xuất và tiêu thụ một triệu tấn xi măng do Công ty cổ phần xi măng Công Thanh bao tiêu. Đồng thời trong năm nay, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam đã có văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng, cơ cấu lại nợ vay và lịch trả nợ. Theo đó các khoản vay ngắn hạn được chuyển sang dài hạn nhằm giảm áp lực trả nợ vay của Công ty trong thời gian ngắn hạn. Ngoài ra trong năm, Công ty đã nhận được tiền bồi thường căn cứ hư theo Bản án của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại TP. Hồ Chí Minh và tiếp tục yêu cầu bồi thường về cầu cảng và thiệt hại kinh doanh. Hiện tại, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đang thực hiện các công tác giám định thiệt hại về cầu cảng và thiệt hại về kinh doanh để tiếp tục thụ lý. Điều này sẽ giúp Công ty khôi phục lại sự hoạt động của cầu cảng và đạt được sự thuận lợi hơn trong việc sản xuất kinh doanh cũng như nguồn tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.


Đồng Nai, ngày 13 tháng 3 năm 2015



Đỗ Thị Thanh Huyền
Người lập biểu



Nguyễn Thị Ánh
Kế toán trưởng



Trần Quốc Khánh
Phó Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	272.236.470.000	76.737.250.400	11.243.301.309	11.450.902.692	(26.528.148.927)	345.139.775.474
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(134.777.284.419)	(134.777.284.419)
Số dư cuối năm trước	272.236.470.000	76.737.250.400	11.243.301.309	11.450.902.692	(161.305.433.346)	210.362.491.055
Số dư đầu năm nay	272.236.470.000	76.737.250.400	11.243.301.309	11.450.902.692	(161.305.433.346)	210.362.491.055
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	(112.027.718.979)	(112.027.718.979)
Số dư cuối năm nay	272.236.470.000	76.737.250.400	11.243.301.309	11.450.902.692	(273.333.152.325)	98.334.772.076

Đồng Nai, ngày 13 tháng 3 năm 2015



Đỗ Thị Thanh Huyền
Người lập biểu



Nguyễn Thị Ánh
Kế toán trưởng




Trần Quốc Khánh
Phó Tổng Giám đốc